

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thể dục thể thao; Chuyên ngành: Giáo dục thể chất

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Đức Thành**

2. Ngày tháng năm sinh: 19/07/1971; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Quế Châu, Huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 7/9A, Đường 182, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận Q.9, TP.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 7/9A, Đường 182, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận Q.9, TP.HCM.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0903 624 005, 0938 71 83 71; E-mail: thanhnd@hamute.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 4/1994 đến 8/1996: Cán bộ giảng dạy Giáo dục thể chất (GDTC) Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

Từ 9/1996 đến 12/1998: Giảng viên Bộ môn GDTC Trường Đại học Đại cương (thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM)

Từ 01/1999 đến 12/2000: Giảng viên Bộ môn GDTC Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM

Từ 01/2001 đến 9/2002: Giảng viên Bộ môn GDTC Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Từ 10/2002 đến 9/ 2013: Giảng viên Trung tâm GDTC&QP Trường Đại học Tôn Đức Thắng

(Từ 10/ 2004: Chủ nhiệm Bộ môn GDTC Trường Đại học Bán công Tôn Đức Thắng; Từ 12/2006: Phó trưởng phòng CTCTSV Trường Đại học Bán công Tôn Đức Thắng)

Từ 09/2013 đến 7/2016: Giảng viên Trường Đại học Thủ Dầu Một (khoa Khoa học Giáo dục, chức vụ: trợ lý NCKH)

Từ 08/2016 đến nay: Giảng viên Trung tâm GDTC&QP Trường Đại học học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

(Từ 04/2017: Phó Giám đốc Trung tâm GDTC&QP; Từ 02/2020: Giám đốc Trung tâm GDTC&QP của Trường Đại học học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM)

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Trung tâm, kiêm Trưởng Bộ môn GDTC; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm

Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm GDTC&QP Trường Đại học học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (+84 - 028) 38968641 - (+84 -028) 38961333 - (+84 -028) 37221223

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): 0

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): 0

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): 0

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 10 năm 1993, ngành: TDTT, chuyên ngành: Bóng đá

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học TDTT II, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 09 năm 2004, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Giáo dục thể chất

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học TDTT II, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 04 năm 2013, ngành: Khoa học giáo dục, chuyên ngành: Giáo dục thể chất

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Khoa học TDTT, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành: 0

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): 0

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành: 0

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - TDTT

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Giáo dục thể chất (Xây dựng chương trình môn học GDTC; Đánh giá hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa; Lựa chọn tiêu chuẩn đánh giá và phân loại thể chất...).

- Huấn luyện thể thao (Phương pháp huấn luyện các môn thể thao; Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá thể lực VĐV; Hiệu quả huấn luyện các môn thể thao...).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 03 đề tài cấp trường và cấp trường trọng điểm;

- Đã công bố 35 bài báo KH, trong đó 05 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 02

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn năm học 1995-1996 của Thành Đoàn TPHCM;

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào TDTT SV HS Chuyên nghiệp năm 2005-2006 của Hội Thể thao ĐH và CN TP.HCM;

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào TDTT SV HS Chuyên nghiệp năm 2006 của Hội Thể thao ĐH và CN Việt Nam;

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào TDTT SV HS Chuyên nghiệp giai đoạn 2002 - 2007 của Hội Thể thao ĐH và CN Việt Nam;

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội năm 2008 của Hội Thể thao ĐH và CN Việt Nam;

- Chiến sĩ thi đua các năm học 2014-2015, 2016-2017;

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM đã huấn luyện đội tuyển sinh viên thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh, thành phố đạt thành tích cao năm 2019.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Tháng 9/2009: Kỷ luật lao động hình thức sa thải (01 năm), Quyết định số 71/TĐT-TCNS ngày 23/11/2009 của TS Lê Vinh Danh, Hiệu trưởng GDTC Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

- Tháng 11/2013: Kỷ luật viên chức hình thức buộc thôi việc, Quyết định số 1445/2013/TĐT-QĐ ngày 08/11/2013 của GS Lê Vinh Danh, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công tác; thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức; giữ gìn và bảo vệ của công.
- Thực hiện đúng quy chế giảng dạy, đảm bảo khối lượng, chất lượng, thực hiện đúng tiến độ công việc; Giảng dạy, nghiên cứu khoa học vượt số tiết theo quy định.
- Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm; Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Có lối sống lành mạnh, giản dị, hòa đồng, gắn bó với tập thể; Có tác phong sư phạm đúng mực.
- Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch trong các hoạt động.
- Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp trường trọng điểm.
- Tham gia Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục đại học, ngành đào tạo: Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2016).
- Tham gia các Hội đồng khoa học chấm luận văn thạc sĩ Trường Đại học TĐTT II (2015, 2017, 2018, 2019).
- Tham gia Hội đồng khoa học chấm luận án tiến sĩ Trường Đại học TĐTT II (2019).

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 26 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	2	0	810	0	810/745/280
2	2015-2016	0	0	3	0	585	0	585/410/280
3	2016-2017	0	0	0	0	1320	0	1320/1361/416

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3 năm học cuối								
4	2017-2018	0	0	0	0	1290	0	1290/1130/216
5	2018-2019	0	0	1	0	1200	0	1200/1087/216
6	2019-2020	0	0	2	0	1350	0	1350/1199/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn TP.HCM, số bằng: 55203; năm cấp: 2000

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: 0

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): 0

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: 0

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Vinh Quang		x	x		02/2014-11/2015	ĐH TDTT II	03/11/2015
2	Lâm Văn Sang		x	x		02/2014-11/2015	ĐH TDTT II	03/11/2015
3	Nguyễn Xuân Đan		x	x		01/2015-11/2016	ĐH TDTT II	02/11/2016
4	Lê Thái Hùng		x	x		01/2015-11/2016	ĐH TDTT II	02/11/2016

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

5	Ngô Quang Thái		x	x		01/2015-11/2016	ĐH TDTT II	02/11/2016
6	Lê Thị Quỳnh Diễm		x	x		01/2010-11/2019	ĐH TDTT II	22/11/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (sau khi bảo vệ luận án TS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	“Giáo trình Giáo dục thể chất 1”	GT	ĐHQG TPHCM	02	x	1-139	
2	“Giáo trình Cờ vua”	GT	ĐHQG TPHCM	01	x	1-169	
3	“Giáo trình Bóng đá”	GT	ĐHQG TPHCM	01	x	1-263	
4	“Giáo trình Bóng chuyền”	GT	ĐHQG TPHCM	03	x	11-143; 183- 203; 211-241	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án TS					
1	ĐT: “Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thể chất	CN	22/2007/UD/PHHC	4/2007-3/2008	14/3/2008, Khá

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	sinh viên Trường Đại Tôn Đức Thắng”				
Sau khi bảo vệ luận án TS					
2	ĐT: “Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra đánh giá thể chất sinh viên Trường đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM”	CN	T2008-92TĐ	6/2018- 5/2019	29/5/2019, Khá
3	ĐT: “Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC tại Trường đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM”	CN	T2009-100TĐ	6/2019- 5/2020	29/5/2020, Khá

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án TS								
Tạp chí trong nước								
1	“Nghiên cứu hiệu quả hoạt động TDTT ngoại khóa với sự phát triển thể chất của nam sinh viên”	01	x	Tạp chí Khoa học thể thao			(2), tr. 36-42	2006
2	“Vai trò của hoạt động thể thao ngoại khóa”	01	x	Tạp chí Khoa học thể thao			(4), tr.8, 42-48	2010
3	“Phát triển TDTT trường học, trách nhiệm của toàn xã hội”	02		Tạp chí Khoa học thể thao (6), tr.52-57, 2010			(4), tr.9, 49-51	2010
4	“Hiệu quả việc áp dụng nội dung và hình thức tổ chức thể dục thể thao ngoại khóa phù hợp đối với sự phát triển thể chất sinh viên”	02		Tạp chí Khoa học thể thao			(6), tr.52-57	2010
5	“Thực trạng hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên	02		Tuyển tập nghiên cứu Khoa học			tr.135-140	2010

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	một số trường đại học ở TP.HCM"			GDTC, Y tế trường học				
6	"Tác động về mặt tinh thần của hoạt động thể thao ngoại khóa" "Extracurricular sports activities - Mental impact"	01	x	Kỷ yếu hội nghị khoa học TDTT quốc tế lần thứ 7- Trường ĐH TDTT TP.HCM 7th Intrenational conference of sport science proceedings			tr.342-345	2011
7	"Ứng dụng công nghệ xanh vào các công trình thể thao"	01	x	Tạp chí Thể thao			(5+6), tr. 40-43	2012
Sau khi bảo vệ luận án TS								
Tạp chí trong nước								
8	"Nghiên cứu xây dựng thang điểm đánh giá thể lực nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh"	02		Tạp chí Khoa học thể thao			(2), tr.54-56	2014
9	"Xây dựng thang điểm đánh giá thể lực chuyên môn cho sinh viên đội tuyển bóng chuyền nam Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM"	02	x	Tạp chí Khoa học và đào tạo TDTT (ISSN: 0866-8108)			(6), tr.42-45	2016
10	"Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân ở quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh"	02	x	Tạp chí Khoa học và đào tạo TDTT, (ISSN: 0866-8108)			(7), tr.57-62	2017
11	"Đánh giá thực trạng thể lực của nam sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh"	02	x	Tạp chí Khoa học thể thao, ISSN: 1859 - 4662			(10), tr.65-70	2018
Hội thảo quốc tế tổ chức trong nước								
12	"Green technology solutions promising for stadiums - A review"	02	x	Proceedings of the 2nd International Conference on Green Technology and Sustainable Development, 2014, Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Vietnam			pp.561-566	2014
13	"Những khó khăn của công nhân di cư vào tỉnh Bình Dương trong việc tìm trường học cho con"	02	x	Hội thảo quốc tế: "Chuyển biến kinh tế - xã hội và giáo dục, (International			tr.274-281	2015

	"Migrant workers' challenges in to Binh Duong province in finding schools for their children"			Conference: Social – Economic Change and Education, November - 2015, VietNam Institute of Educational Sciences) (ISBN: 978-604-77-2012-5)				
14	"Đánh giá hiệu quả nội dung chương trình huấn luyện bóng đá cộng đồng cho nam thiếu niên lứa tuổi 13-14 tại Trung tâm bóng đá Strata - Arsenal Soccer School, TP.HCM" "Evaluating the effectiveness of the community soccer program for 13-14 year old boys at the Soccer Center of Strata - Arsenal Soccer School, Ho Chi Minh city"	02	x	Hội thảo khoa học quốc tế "Hội nhập quốc tế về GDTC và TDTT - Cơ hội và thách thức", International Scientific Conference: "International integration of physical education and sports - Opportunities and challenges" (ISBN: 978-604-73-4670-7)			tr.140-147	2016
15	"Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo giáo viên GDQP-AN trong bối cảnh đổi mới hiện nay" "Solutions for improving the quality of educational training for security and defence teachers in the context of innovation"			Hội thảo khoa học quốc tế: "Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm", International Conference: "Traning and professional development for teachers, principal advisors and education lectures" (ISBN: 978-604-958-103-8)			tr.296-303	2017
16	"Study determining tests to assess endurance performance of female Karate athletes aged between 14 and 16 in Binh Duong province"	03		Proceedings International Conference Science Technology for Sport Performance Enhancement,			pp.59-66	2018

				(ISBN: 978-604-73-6671-2)				
17	"Developing thinking ability and psychological qualities for elementary pupils through teaching chess"	02		Intrenational conference on Sport, Physical Education & Youth Development, ISBN: 978-604-73-7310-9			pp.200-205	2019
18	"Efficiency of physical examination and accessment innovation at Ho Chi Minh city University of Technology and Education"	02	x	Proceedings International Scientific Conference - Sport in Context of the Revolution 4.0, ISBN: 978-604-9887-50-5			pp.261-267	2019
Hội thảo trong nước								
19	"Quán triệt các nguyên tắc chuyên biệt để nâng cao chất lượng hoạt động TDTT ngoại khóa"	01	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về công tác GDTC và TDTT các trường ĐH, CĐ năm 2018, (ISBN: 978-604-965-101-4)			tr.98-105	2018
20	"Nghiên cứu một số bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên đội tuyển taekwondo Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM"	02	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về công tác GDTC và TDTT các trường ĐH, CĐ năm 2018, (ISBN: 978-604-965-101-4)			tr.92-97	2018
21	"Vận dụng elearning trong dạy học môn giáo dục thể chất và định hướng năng lực tự rèn luyện cho sinh viên"	02		Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Phát triển công tác TDTT trường học - Thực trạng và giải pháp, (ISBN: 978-604-965-184-7)			tr.354-363	2019
22	"Phát triển các câu lạc bộ ngoại khóa tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh"	02	x	Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Phát triển công tác TDTT trường học - Thực trạng và giải pháp, (ISBN: 978-604-965-184-7)			tr.371-376	2019
Tạp chí quốc tế								
23	"Bicycle - An effective solution to reserve green, clean and sustainable environment"	01	x	European Journal of Physical Education and Sport Science,	Creative Commons Attribution 4.0 International		pp.91-99, Volume 5, Issue 1	2018

				(ISSN: 2501-1235; ISSN-L: 2501-1235)	License (CC BY 4.0).		doi: 10.5281/zenodo.1521454	
24	"Evaluating effectiveness of the elective karatedo curriculum for male students in Thu Dau Mot University, Vietnam"	03	x	International Journal of Physical Education, Sports and Health, (P-ISSN: 2394-1685; E-ISSN: 2394-1693)	Impact Factor (ISRA): 5.38		pp.26-29, Volume 6, Issue 1	2019
25	"Effectiveness in applying solutions to improve 4swimming practice skills of student at Thu Dau Mot University, Vietnam"	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, (ISSN: 2501-1235; ISSN-L: 2501-1235)	Creative Commons Attribution 4.0 International License (CC BY 4.0).		pp.35-49. Volume 5, Issue 5	2019
26	"Global garbage problem - addressing waste management woes in stadiums"	01	x	International Journal of Sports Science and Physical Education, (ISSN Print: 2575-226X; ISSN Online: 2575-1611)	Science Publishing Group, New York, U.S.A.		pp.1-8, Volume 3, Issue 4 DOI: 10.11648/j.ijsspe.20190401.11	2019
27	"The solution to improve the effectiveness of physical examination and evaluation for students of HCMC University of Technology and Education"	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, pp.52-73, Volume 5, Issue 9, 2019 (ISSN: 2501-1235; ISSN-L: 2501-1235)	Creative Commons Attribution 4.0 International License (CC BY 4.0).			
28	"The research of physical evaluation criteria for visually impaired male students of Nguyen Dinh Chieu special high school in Ho Chi Minh City"	03		International Journal of Physical Education, Sports and Health, (P-ISSN: 2394-1685; E-ISSN: 2394-1693)	IMPACT FACTOR (RJIF): 5.38		pp.246-249, Volume 6, Issue 3	2019
29	"Selecting a number of tactical coordination exercises to improve students's calculating capacity in chess classes at Ho Chi Minh City University of Technology and Education"	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501-1235 ISSN-L: 2501-1235	Creative Commons Attribution 4.0 International License (CC BY 4.0).		pp.77-83, Volume 5, Issue 12	2019
30	"Efficiency of the application of some exercises of tactical	01	x	International Journal of Sport, Exercise and	Index Copernicus		pp.49-53	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	combinations to improve student's calculation capacity in Chess classes at HCMC University of Technology and Education"			Health Research, ISSN: 2581-4923	Value (ICV) 2018: 81.58			
31	"Assessment the status of physical education at HCMC University Of Technology And Education, Vietnam"	01	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501-1235 ISSN-L: 2501-1235	Creative Commons Attribution 4.0 International License (CC BY 4.0).		pp.9-19, Volume 6, Issue 4,	2020
32	"Research innovative solutions for physical education work at Ho Chi Minh city university of technology and education"	01	x	International Journal of Physical Education, Sports and Health, (P-ISSN: 2394-1685; E-ISSN: 2394-1693)	Impact Factor (ISRA): 5.38		pp.218-223, Volume 7, Issue 3	2020
33	"Evaluating the application and improvement of Vovinam curriculum for students of FPT Polytechnic College of Practice Ho Chi Minh City"	02	x	IOSR Journal of Sports and Physical Education (IOSR-JSPE), e-ISSN: 2347-6737 p-ISSN: 2347-6745	IOSR journals are member of American National Engineering Database (ANED)		pp. 34-39, Volume 7, Issue 3 DOI: 10.9790/6737-07033439	2020
34	Assessing the effects of some professional physical development exercises for male students of vovinam club at FPT university Ho Chi Minh city, Vietnam	02	x	European Journal of Physical Education and Sport Science, ISSN: 2501-1235 ISSN-L: 2501-1235	Creative Commons Attribution 4.0 International License (CC BY 4.0).		pp.63-71, Volume 6, Issue 5	2020
35	Application of specialized exercises to improve fitness for students studying Karatedo elective physical education program at Ho Chi Minh City University of Technnology and Education, Vietnam	02	x	International Journal of Physical Education, Sports and Health, P-ISSN: 2394-1685; E-ISSN: 2394-1693	Impact Factor (ISRA): 5.38		pp.402-406, Volume 7, Issue 3	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

1					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: 0

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): 0

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): 0

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: 0

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu: 0

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: 0

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: 0

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định: 0

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định: 0

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

TP.HCM , ngày 28 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Đức Thành